TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2022/QĐST- HNGĐ	*Thuận Nam, ngày 27 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 165/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: anh Lê Văn T - sinh năm: 1988; địa chỉ: thôn 01, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Bá Trung A - sinh năm 1986; trú tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: chị Đinh Thị T - sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 01, xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà Trần Thị Hồng - sinh năm 1966, trú tại: Thôn 01, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Ngân hàng chính sách xã hội V - Chi nhánh tỉnh N.

Địa chỉ: số 264 Thống Nhất, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn Q - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Lê Văn T, chị Đinh Thị T, bà Trần Thị H và Ngân hàng chính xã hội chi nhánh tỉnh N thống nhất các nội dung sau:

1. Về chia tài sản chung:

Anh T, chị T thống nhất tài sản chung gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 36m^2 trị giá 45.000.000đ, mái hiên diện tích 66m^2 trị giá 19.008.000đ, Nhà bếp diện tích 12m^2 trị giá 15.000.000đ, Nhà vệ sinh diện tích 4,16m^2 trị giá 5.200.000đ; Sân láng xi măng diện tích 66m^2 trị giá 7.009.200đ, Nhà tạm nền đất diện tích 9,24m^2 trị giá 1.293.600đ, Hàng rào dài 85m trị giá 4.845.000đ, Hàng rào dài 30m trị giá 1.710.000đ, cây cối trị giá 34.961.200đ. Tổng giá trị tài sản: 134.027.000đ. Anh T, chị T thống nhất nhận giá trị bằng tiền, cụ thể: 134.027.000đ : 2 = 67.013.500đ.

2. Về yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H:

- Anh T, chị T thống nhất trả lại cho bà Trần Thị H diện tích đất 906m^2 (trong đó có diện tích đất san lấp mương nước thiên nhiên 107m^2) thuộc thửa số 55 (tách từ thửa 25) tờ bản đồ số 54 xã P và thống nhất giao bà H được sở hữu toàn bộ hiện vật gắn liền đất gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 36m^2 trị giá 45.000.000đ, mái hiên diện tích 66m^2 trị giá 19.008.000đ, Nhà bếp diện tích 12m^2 trị giá 15.000.000đ, Nhà vệ sinh diện tích 4,16m^2 trị giá 5.200.000đ; Sân láng xi măng diện tích 66m^2 trị giá 7.009.200đ, Nhà tạm nền đất diện tích 9,24m^2 trị giá 1.293.600đ, Hàng rào dài 85m trị giá 4.845.000đ, Hàng rào dài 30m trị giá 1.710.000đ, cây cối gồm: 09 cây xoài loại thu hoạch, 21 cây dừa chưa thu hoạch, 9 cây dừa thu hoạch, 12 cây mít thu hoạch, 06 cây mít chưa thu hoạch, 01 cây chanh, 09 cây cam, 10 cây mãng cầu ta, 01 cây nhãn, 04 cây neem, 02 cây tắc, tổng trị giá 34.961.200đ. Tổng giá trị tài sản trên đất: 134.027.000đ.

- Bà Trần Thị H thống nhất hoàn trả giá trị tài sản cho chị Đinh Thị T số tiền 67.013.500đ được chia từ khối tài sản chung với anh Lê Văn T và hỗ trợ thêm cho chị T 32.986.500đ; tổng số 2 khoản là 100.000.000đ *(một trăm triệu đồng)*.

- Anh Lê Văn T tự nguyện không yêu cầu bà H hoàn trả giá trị tài sản chung được chia.

3. Về nợ chung:

Anh T, chị T và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh N thống nhất: Anh T chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ vay tại Hợp đồng tín dụng số 3800039560 ngày 14/6/2017, tổng cộng 60.821.224đ và trả theo phương án trong hợp đồng đã ký kết; trong đó số tiền gốc: 58.000.000đ và lãi 2.821.224đ, gồm các khoản sau:

- Món vay theo Chương trình nước sạch vệ sinh Môi trường nông thôn, số tiền vay 6.000.000đ, thời hạn 60 tháng (trả nợ cuối cùng là ngày 06/11/2022), mục đích xây nhà vệ sinh. Đã trả gốc 4.000.000đ và lãi 1.245.647đ; hiện còn nợ 2.086.698đ gồm nợ gốc 2.000,000đ và lãi 86.698đ;

- Món vay theo Chương trình nước sạch vệ sinh Môi trường nông thôn, số tiền vay 6.000.000đ, vay ngày 05/11/2017, thời hạn 60 tháng (trả nợ cuối cùng là ngày 06/11/2022), mục đích bắt nước sạch. Đã trả lãi 1.887.785đ, chưa trả gốc; hiện còn nợ gốc 6.000,000đ và lãi 260.089đ;

- Món vay theo Chương trình vay hộ cận nghèo, số tiền vay 50.000.000đ, vay ngày 13/02/2019, thời hạn 60 tháng (trả nợ cuối cùng là ngày 06/02/2024), mục đích chăn nuôi bò. Chưa trả nợ gốc. Số tiền gốc còn nợ 50.000.000đ và lãi 2.474.437đ.

- Về chi phí định giá: Tổng số tiền đã chi phí định giá tài sản do anh Tài tạm ứng là 5.023.000đ. Anh T, chị T thống nhất, chị T chịu 2.500.000đ, anh T chịu 2.523.000đ. Chị T hoàn trả cho anh T 2.500.000đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh Tài, chị Thủy phải chịu như sau:

+ Án phí chia tài sản chung: Tổng số tài sản chung 134.027.000đ - 60.821.224đ (khoản nợ chung) = 73.205.776đ. Như vậy, anh T và chị T mỗi người phải chịu án phí đối với phần tài sản chung là 73.205.776đ : 2 = 36.602.888đ x 2,5% = 915.000đ.

+ Án phí thực hiện nghĩa vụ trả nợ: anh T phải chịu 1.520.000đ; tổng cộng 02 khoản là 2.435.000đ, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 625.000đ tại biên lai thu tiền số 0023601 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam. Anh T còn phải chịu 1.810.000đ.

Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại biên lai thu tiền số 0023609 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hàn hán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với việc thực hiện khoản nợ vay của Ngân hàng thì thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Phần ghi nhận:

Ghi nhận anh T, chị T tự thỏa thuận: anh T chia chị T 01 ti vi, 01 tủ đựng quần áo, 01 bếp ga đôi, phần cát và đá còn thừa đang để tại thửa đất và nhà nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Thức